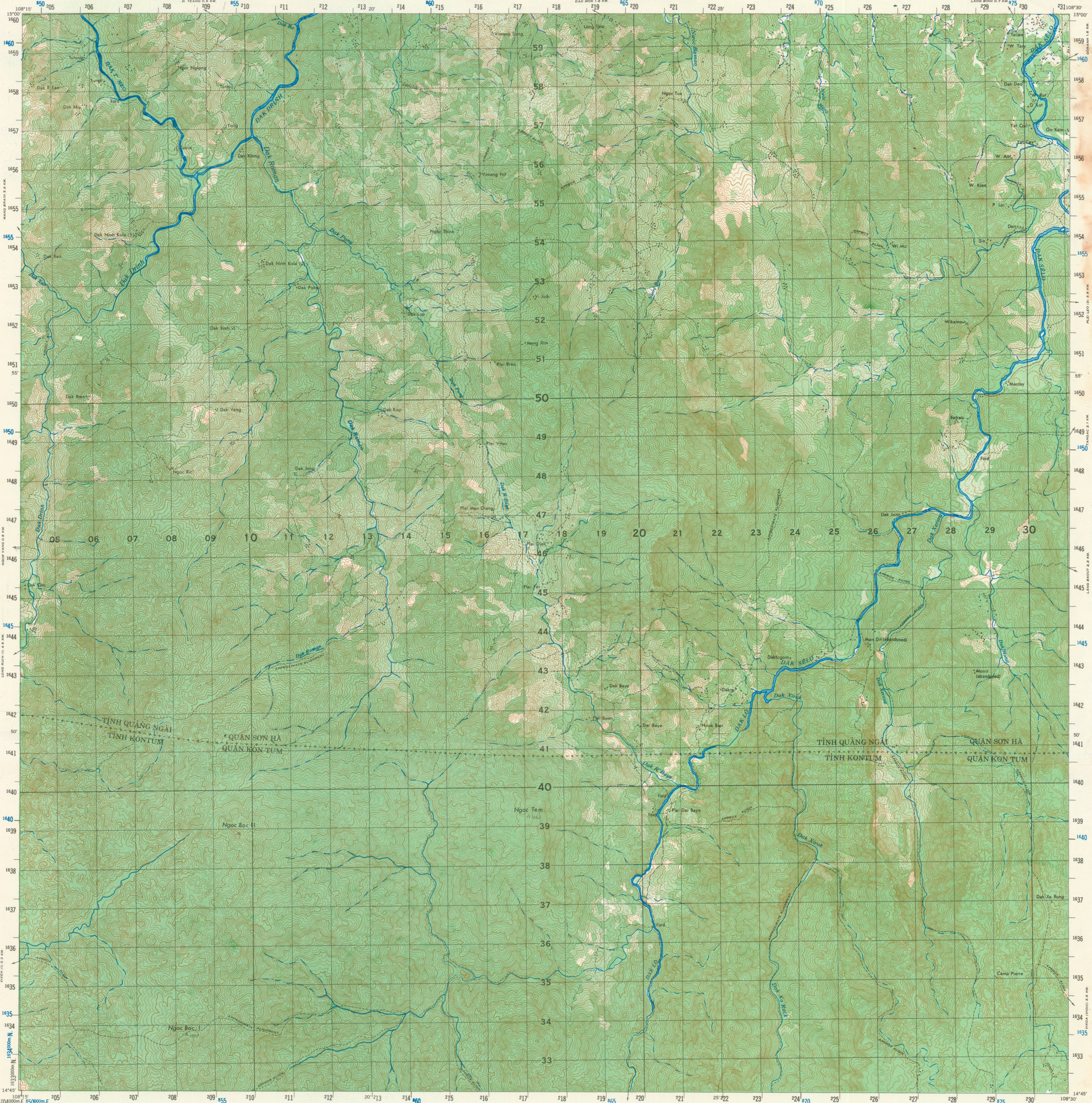




LEGEND - CHỮ TỰ
MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN ĐỒ TỰ TỨC NĂM 1965

On this map a LAME is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width. Trên bản đồ này một LỖ XE BƠ đã được coi như rộng 2,4 mét.

Forest cover is indicated by the percentage of ground covered by forest. Forest cover is indicated by the percentage of ground covered by forest. Forest cover is indicated by the percentage of ground covered by forest.

When referring to populated place names, include UTM grid coordinates. THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA.

ROADS - ĐƯỜNG - SÀ

- All weather, hard surface, two or more lanes wide
- Đường nhựa cứng, có hai hay nhiều hơn làn xe đi
- All weather, loose or light surface, two or more lanes wide
- Đường cát sỏi hoặc bề mặt mềm, có hai hay nhiều hơn làn xe đi
- All weather, hard surface, one lane wide
- Đường nhựa cứng, có một làn xe đi
- All weather, loose or light surface, one lane wide
- Đường cát sỏi hoặc bề mặt mềm, có một làn xe đi
- Fair or dry weather, loose surface - Đường đất
- Chỉ trong thời tiết khô ráo, bề mặt mềm
- Seasonal - Đường mùa
- Chỉ trong mùa mưa

RAILROADS - ĐƯỜNG XE LỬA

- Normal gauge, single track, 1 meter (3'3 3/4") wide
- Lưu ý đường đơn, khổ 1 mét
- Normal gauge, double track
- Lưu ý đường đôi, khổ 1 mét

Other features:

- Settlements: Village, Hamlet, etc.
- Religious: Church, Mosque, etc.
- Public: Post office, Telephone, etc.
- Infrastructure: Power lines, etc.
- Natural: Forest, etc.
- Artificial: Dike, etc.

Scale
Tỷ lệ 1:50,000

Scale
1 inch = 1.25 miles

Scale
1 inch = 2.0 nautical miles

CONTOUR INTERVAL - 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS - 10 METERS

SPHEROID EVEREST
GRID 1,000 METER UTM; ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES); ZONE 48 (BLUE NUMBERED TICKS)
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM MEAN SEA LEVEL AT HA TIEN
HORIZONTAL DATUM INDIAN DATUM 1960

CREDITS
PREPARED BY AMB (L), U.S. ARMY, 1965
NAMES BY NGS, VIETNAM
CONTROL BY USAMSF, NGS, VIETNAM

DELINITION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN BẢN ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC HOẠ VỚI TÊN CÁCH ĐẠI CƯƠNG

GLOSSARY - CỜ TỰ

Dak	stream
Kon	stream
Lam	village
Ngon	mountain
Ngon	stream
Plei	village

ELEVATION GUIDE
CHỈ DẪN CAO ĐỘ

BOUNDARIES
NHỮNG RYA GIỚI

ADJOINING SHEETS
CHỖ HẸP BÊN TRUNG GIỚI

VIETNAMESE ENGLISH COMPARABLE

Tên	Khu	Tỉnh	U.S. UNIT
Quận	Quận	Quận	County
Xã	Xã	Xã	Township
Thị trấn	Thị trấn	Thị trấn	Town

VIETNAMESE ENGLISH COMPARABLE

Tên	Khu	Tỉnh	U.S. UNIT
Quận	Quận	Quận	County
Xã	Xã	Xã	Township
Thị trấn	Thị trấn	Thị trấn	Town

DAK NINH KOLA, VIETNAM